

THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ:

BẢO VỆ CHỦ QUYỀN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

CƠ SỞ PHÁP LÝ KHẲNG ĐỊNH CHỦ QUYỀN HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA CỦA VIỆT NAM

Trong lịch sử, Việt Nam đã phải trải qua nhiều cuộc chiến tranh chống ngoại xâm. Phần lớn thư tịch cổ quốc gia trong các giai đoạn đó đã bị quân xâm lược tiêu hủy với mục tiêu xóa sạch văn hóa Việt để dễ bề đồng hóa. Tuy nhiên, chỉ với những tài liệu chính sử còn lại đến nay cũng đủ để chứng minh người Việt Nam đã có chủ quyền lịch sử từ rất lâu đời trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, hoàn toàn phù hợp với tập quán cũng như luật pháp quốc tế về việc xác lập và khẳng định chủ quyền lãnh thổ.

Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của Việt Nam gồm nhiều đảo đá san hô rất nhỏ ở giữa Biển Đông. Hiện hai quần đảo đang là tâm điểm tranh chấp phức tạp giữa một số nước ven Biển Đông. Về việc giải quyết tranh chấp chủ quyền đối với lãnh thổ, pháp luật quốc tế đã hình thành nguyên tắc xác lập chủ quyền là nguyên tắc chiếm hữu thật sự và thực hiện quyền lực Nhà nước một cách thật sự, liên tục và hòa bình. Nguyên tắc này đã được các nước và các cơ quan tài phán quốc tế áp dụng

để giải quyết nhiều vụ tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ trên thế giới.

Áp dụng nguyên tắc nói trên của pháp luật quốc tế vào trường hợp hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, các bằng chứng lịch sử và căn cứ pháp lý đều cho thấy rằng các Nhà nước Việt Nam đã chiếm hữu thật sự hai quần đảo này hàng trăm năm qua. Nói chính xác là các Nhà nước Việt Nam trong lịch sử và cho tới nay đã thực thi chủ quyền ở đây ít ra từ thế kỷ XVII khi hai quần đảo chưa hề thuộc chủ quyền của bất cứ nước nào. Từ đó Việt Nam đã thực hiện việc xác lập và thực thi chủ quyền của mình đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa một cách liên tục và hòa bình.

Các bằng chứng lịch sử mà Việt Nam đã thu thập được rất phong phú, mặc dù như đã nói, do hoàn cảnh chiến tranh liên tục nên nhiều thư tịch cổ của Việt Nam đã bị mất mát, thất lạc. Tuy nhiên, những tư liệu còn lại đến nay và chính sử vẫn đủ để khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo

Hoàng Sa và Trường Sa. Một là, các bản đồ Việt Nam thế kỷ XVII đã gọi hai quần đảo bằng cái tên Bãi Cát Vàng và ghi vào địa hạt huyện Bình Sơn, phủ Quảng Ngãi. Hai là, nhiều tài liệu cổ của Việt Nam như Toàn Tập Thiên Nam Tứ chí Lộ Đồ Thư (thế kỷ XVII), Phủ Biên Tạp Lục (1776), Đại Nam Thực Lục Tiền Biên và Chính Biên (1844 - 1848), Đại Nam Nhất Thống Chí (1865-1875), các Châu bản nhà Nguyễn (1802-1945)... đều nói về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa như là Bãi Cát Vàng vạn dặm trên Biển Đông và việc Nhà nước cử đội Hoàng Sa ra khai thác các quần đảo này. Ba là, nhiều sách cổ, bản đồ cổ của nước ngoài cũng thể hiện các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam. Đỉnh cao nhất của việc tuyên bố và xác lập chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào năm 1816 khi vua Gia Long sai quân lính ra quần đảo Hoàng Sa cắm cờ Việt Nam và tuyên bố chủ quyền. Cũng cần nói thêm là trong một thời gian khá dài, người Việt Nam luôn coi quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là một dải đảo dài hàng vạn dặm trên Biển Đông, nên gọi là Vạn Lý Trường Sa, hay Đại Trường Sa, Bãi Cát Vàng... Trên thực tế, các chúa Nguyễn cũng như nhà Nguyễn sau này đều có nhiều hành động liên tục cử người ra cai quản, khai thác các đảo trên cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Nhà nước phong kiến Việt Nam đã tổ chức các đội Hoàng Sa, Bắc Hải để thực thi quyền chủ quyền và khai thác hai quần đảo. Các thể lệ tuyển chọn người, chế độ khen thưởng, đãi ngộ đối với các đội đều được Nhà nước quy định rõ ràng. Các đội này được duy trì và hoạt động liên tục từ thời chúa Nguyễn (1558-1783) đến nhà Tây Sơn (1786-1802) và nhà Nguyễn. Triều đình Nhà Nguyễn đã cử các tướng Phạm Quang Ảnh (năm 1815), Trương Phúc Sĩ, Phạm Văn Nguyên, Phạm Hữu Nhật (các năm

1834, 1835, 1836) ra Hoàng Sa khảo sát, đo đạc các đảo, khảo sát, vẽ bản đồ, xây miếu, dựng bia.

Sau khi đô hộ Đông Dương, Pháp nhân danh Việt Nam tiếp tục quản lý hai quần đảo qua việc cử tàu chiến tuần tiễu để đảm bảo an ninh, ngăn chặn buôn lậu, cho phép người Nhật khai thác phân chim trên đảo, cử tàu De Lanessan ra nghiên cứu hải dương, địa chất, sinh vật... Từ năm 1930 đến 1932, các tàu chiến Inconstant, Alerte, La Malicieuse và De Lanessan của hải quân Pháp liên tiếp ra quần đảo Hoàng Sa. Đầu những năm 30 của thế kỷ 20, Pháp cho quân trú đóng ở các đảo chính thuộc quần đảo Trường Sa. Các hoạt động này đã được công bố trong Công báo của Cộng hòa Pháp ngày 26-7-1933. Năm 1933, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định quy thuộc quần đảo Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa. Pháp cũng tách quần đảo Hoàng Sa ra khỏi tỉnh Nam Nghĩa và đặt vào tỉnh Thừa Thiên và cho một đơn vị đóng quân ở đó. Sau khi trở lại Đông Dương, Pháp đã yêu cầu quân Trung Hoa Dân Quốc rút khỏi các đảo mà họ đã chiếm đóng trái phép năm 1946 và Pháp đã cho quân thay thế quân Trung Quốc, xây dựng lại trạm khí tượng, đài vô tuyến.

Năm 1951, tại Hội nghị San Francisco (Hoa Kỳ) có một đề nghị bỏ sung bản dự thảo Hòa ước yêu cầu trao trả cho Trung Quốc hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Nhưng Hội nghị đã bác bỏ đề nghị này với số phiếu áp đảo là 46 phiếu thuận, 3 phiếu chống và 1 phiếu trắng. Tại Hội nghị, Ngoại trưởng Trần Văn Hữu dẫn đầu phái đoàn Chính phủ Quốc gia Việt Nam đã tuyên bố khẳng định chủ quyền lâu đời của người Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà không gặp sự phản đối hay bảo lưu của nước nào.

Năm 1956 Pháp chuyển giao lãnh thổ miền Nam Việt Nam cho Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) và

chính quyền này đã cho quân ra tiếp quản, tổ chức hai quần đảo về mặt hành chính (lập ở mỗi quần đảo một xã thuộc một huyện ở đất liền), xây các bia chủ quyền, duy trì các trạm khí tượng. Từ những năm 50 của thế kỷ 20 tình hình hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trở nên phức tạp hơn. Lợi dụng tình hình rối ren khi Pháp rút khỏi Đông Dương theo Hiệp định Genève năm 1954, Trung Quốc đã bí mật chiếm đóng trái phép nhóm đảo phía đông của quần đảo Hoàng Sa vào năm 1956. Chính quyền VNCH đã kịch liệt phản đối. Năm 1959 quân Trung Quốc giả làm ngư dân đổ bộ lên nhóm đảo phía tây quần đảo Hoàng Sa. Quân đội VNCH đã phát hiện ngăn chặn và bắt giữ 82 "ngư dân" Trung Quốc.



Các chiến sỹ Hải quân Quân đội Nhân dân Việt Nam trên đảo Phan Vinh thuộc quần đảo Trường Sa tháng 5-1988

Đối với nhóm đảo phía tây của quần đảo Hoàng Sa, chính quyền VNCH tiếp tục quản lý cho đến năm 1974. Năm 1974, Trung Quốc dùng không quân, hải

quân chiếm luôn phần phía tây của quần đảo Hoàng Sa. Chính quyền VNCH và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã kịch liệt phản đối hành động xâm lược này của Trung Quốc. Năm 1975, chính quyền VNCH sụp đổ, Hải quân Quân đội Nhân dân Việt Nam tiếp quản đầy đủ các đảo do quân đội VNCH cai quản trên Biển Đông. Nhà nước Việt Nam thống nhất sau đó tiếp tục khẳng định chủ quyền của người Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, ban hành nhiều văn bản hành chính nhà nước thành lập các huyện đảo Hoàng Sa và huyện đảo Trường Sa cũng như hoàn thiện việc quản lý hành chính trên các quần đảo này. Một sự thật hiển nhiên là cho đến năm 1988 chưa hề có bất kỳ sự hiện diện nào của Trung Quốc ở quần đảo Trường Sa. Ngày 14-3-1988, Trung Quốc bắt đầu dùng vũ lực chiếm đóng trái phép một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Dưới ánh sáng của pháp luật quốc tế, Việt Nam có đầy đủ chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền lâu đời và liên tục của mình đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.



Trẻ em đảo Trường Sa Lớn ngày nay đang trên đường đến lớp học

Công ước Luật Biển năm 1982 cho phép các quốc gia ven biển được hưởng quy chế thềm lục địa để thăm dò và khai thác tài nguyên. Đây là chủ quyền chuyên biệt, không tùy thuộc vào điều kiện phải có sự chiếm hữu, khai phá hay tuyên bố minh thị. Mọi sự tùy tiện chiếm cứ của nước ngoài dù có bằng vũ lực hay không đều bất hợp pháp và vô hiệu lực. Về mặt địa lý, đảo Tri Tôn, quần đảo Hoàng Sa chỉ cách Quảng Ngãi 135 hải lý và đảo Hoàng Sa (Pattle) chỉ cách lục địa Việt Nam 160 hải lý. Vì vậy, quần đảo Hoàng Sa nằm trong thềm lục địa của Việt Nam được quy định bởi Công ước về Luật Biển năm 1982. Về mặt địa chất, các nghiên cứu khoa học đều cho thấy quần đảo Hoàng Sa là một thành phần của Việt Nam. Về địa hình, đáy biển vùng quần đảo Hoàng Sa là một cao nguyên chìm dưới đáy biển nối tiếp liên tục lục địa Việt Nam. Tại quần đảo Trường Sa cũng vậy, về mặt địa chất và địa hình đáy biển các đảo Trường Sa là sự tiếp nối tự nhiên của lục địa Việt Nam từ đất liền ra ngoài biển. Hơn nữa, bãi Tư Chính và đảo Trường Sa (Spratly) chỉ cách đất liền Việt Nam từ 150 đến 200 hải lý, nằm trong thềm lục địa của Việt Nam.

Một yêu cầu hết sức khách quan đặt ra cho tất cả các nước có hoạt động liên quan tới Biển Đông là phải tuân thủ pháp luật chung mà cộng đồng quốc tế, trong đó có các quốc gia ven Biển Đông, đã dày công xây dựng - Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982 của (Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật biển (tiếng Anh: United Nations Convention on Law of the Sea - UNCLOS), cũng gọi là Công ước Luật biển hay cũng được những người chống đối nó gọi là Hiệp ước Luật biển, là một hiệp ước quốc tế được tạo ra trong Hội nghị về luật biển Liên Hiệp Quốc lần thứ 3 diễn ra từ năm 1973 cho đến 1982 với các chỉnh sửa đã được thực hiện trong Hiệp ước Thi hành năm

1994. Công ước Luật biển là một bộ các quy định về sử dụng các đại dương của thế giới, chiếm 70% diện tích bề mặt Trái Đất. Công ước đã được ký kết năm 1982 để thay thế cho 4 hiệp ước năm 1958 đã hết hạn. UNCLOS có hiệu lực năm 1994, và đến nay, 154 quốc gia và Cộng đồng châu Âu đã tham gia Công ước này. Hoa Kỳ không tham gia vì nước này tuyên bố rằng hiệp ước này không có lợi cho kinh tế và an ninh của Mỹ. Công ước quy định quyền và trách nhiệm của các quốc gia trong việc sử dụng biển, thiết lập các hướng dẫn rõ ràng cho các hoạt động kinh doanh, bảo vệ môi trường và cải thiện quản lý các tài nguyên thiên nhiên đại dương. Các sự kiện mà thuật ngữ đề cập trong Công ước là: Công ước về Luật biển Liên Hiệp Quốc lần 1, Công ước về Luật biển Liên Hiệp Quốc lần 2, Công ước về Luật biển Liên Hiệp Quốc lần 3. Công ước này là kết quả của Công ước về Luật biển Liên Hiệp Quốc lần 3 và cũng mang tên gọi Công ước về Luật biển Liên Hiệp Quốc.

Trong khi Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc nhận được các công cụ phê chuẩn và gia nhập Liên Hiệp Quốc quy định ủng hộ các cuộc họp của các quốc gia là thành viên của Công ước thì Liên Hiệp Quốc không có vai trò hoạt động trong việc thi hành Công ước này. Tuy nhiên các tổ chức liên chính phủ tự trị như: Tổ chức Hàng hải Quốc tế, Ủy ban Cá voi Quốc tế và Cơ quan quản lý Đáy biển Quốc tế được Công ước này thành lập lại có một vai trò trong việc thực thi Công ước).

Khi vận dụng Công ước để thực thi chủ quyền và quyền chủ quyền đối với nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của mình, các quốc gia ven Biển Đông có nghĩa vụ tôn trọng chủ quyền và quyền chủ quyền của các nước khác ven Biển Đông đối với lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của họ. Trong thời đại văn minh, sử

dụng vũ lực, đe dọa sử dụng vũ lực để cưỡng chiếm lãnh thổ nước khác đã bị pháp luật quốc tế nghiêm cấm. Vũ lực cũng sẽ không phải là cách thức đúng đắn để giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông. Tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế, tôn trọng Hiến chương Liên Hợp Quốc, tôn trọng các quy định của Công ước Luật Biển năm 1982, giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình, thực hiện đầy đủ các cam kết trong DOC, tiến tới xây

dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC), cùng chung sức theo hướng biển Biển Đông thành vùng biển hòa bình, hữu nghị và hợp tác là thể hiện sự hành xử của những quốc gia văn minh, tôn trọng sự thật lịch sử cũng như thượng tôn pháp luật quốc tế mà chính mình đã công nhận và ký kết.

Báo Đại đoàn kết
//<http://btgcp.gov.vn>

TRUNG QUỐC CHƯA BAO GIỜ CÓ CHỦ QUYỀN Ở HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA

Trong suốt 22 thế kỷ, từ các đời Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế, Tống Thần Tông, Minh Thành Tổ đến giữa thế kỷ XX (1951), tài liệu chính sử Trung Quốc đã chưa bao giờ cho thấy chủ quyền của họ đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (mà họ gọi là Tây Sa và Nam Sa) trên Biển Đông của Việt Nam (mà họ gọi là Biển Hoa Nam). Chỉ từ những năm giữa thế kỷ XX trở lại đây, Trung Quốc thay đổi thái độ và liên tục lên tiếng đòi hỏi chủ quyền "bất khả tranh nghị" đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tuy nhiên, họ không đưa ra được cơ sở pháp lý hay một bằng chứng lịch sử nào đáng tin cậy cho thấy họ có chủ quyền hợp pháp trên các quần đảo này.

Trung Quốc đòi hỏi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa chỉ dựa trên các tài liệu của các nhà du hành, thám hiểm và dĩ nhiên, theo công pháp quốc tế những tài liệu này không phải là các tư liệu chính thức của Nhà nước có thể dựa vào để chứng minh chủ quyền và sự kiểm soát chính thức của Trung Quốc tại các quần đảo này. Các bản đồ cổ mà Trung Quốc trưng ra để làm bằng chứng lịch sử cũng

không phải là bản đồ chính thức của các triều đại phong kiến Trung Quốc. Thậm chí, cho đến cuối thế kỷ XX, tài liệu chính sử ghi chép lại cho thấy Trung Quốc vẫn không coi hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của họ. Điều này được ghi nhận bởi các sự kiện liên quan đến 2 tàu La Bellona và Imaji Maru vận chuyển đồng dưới sự bảo hiểm của các công ty Anh quốc. Hai tàu này bị chìm trong khu vực quần đảo Hoàng Sa (Paracels), trong các năm 1895 và 1896. Các ngư dân Trung Quốc từ đảo Hải Nam đã thu nhặt đồng từ xác tàu chìm và đem đi bán cho các thương nhân ở Hải Nam. Các công ty bảo hiểm của hai con tàu đã phản đối với Chính phủ Trung Quốc, đòi Trung Quốc phải chịu trách nhiệm. Khâm sai Quảng Đông lúc đó đã trả lời Công sứ Anh tại Bắc Kinh rằng: "Paracels là những hòn đảo vô chủ, chẳng thuộc Trung Quốc cũng như chẳng thuộc An Nam, về mặt hành chính chúng không nằm trong địa phận của quận huyện nào ở Hải Nam và cũng không có cơ quan đặc trách nào lo việc cảnh sát ở đó cả". Trước những sự thật lịch sử hiển nhiên như vậy, Trung Quốc vẫn mạo nhận rằng họ đã chiếm đóng

quần đảo Hoàng Sa từ thế kỷ thứ XV trong chuyến đi thứ tư của Trịnh Hòa năm 1413. Tuy nhiên, trong các sách sử chính thức của Trung Quốc ghi chép về những chuyến hải hành phái bộ Trịnh Hòa không phải để chinh phục vùng Biển Đông (mà họ gọi là Biển Hoa Nam) nơi có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đoàn thuyền của phái bộ này chỉ đi ngang qua Biển Đông hướng về Ấn Độ Dương, không hề ghé lại các đảo hay quần đảo nào của Việt Nam.



Tuần tra bảo vệ chủ quyền trên đảo Song Tử Tây, quần đảo Trường sa, Việt Nam

Tuần tra bảo vệ chủ quyền trên đảo Song Tử Tây, quần đảo Trường sa, Việt Nam

Trung Quốc đòi hỏi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa chỉ dựa trên các tài liệu của các nhà du hành, thám hiểm và dĩ nhiên, theo công pháp quốc tế những tài liệu này không phải là các tư liệu chính thức của Nhà nước có thể dựa vào để chứng minh chủ quyền và sự kiểm soát chính thức của Trung Quốc tại các quần đảo này. Các bản đồ cổ mà Trung Quốc trưng ra để làm bằng chứng lịch sử cũng không phải là bản đồ chính thức của các triều đại phong kiến Trung Quốc. Thậm chí, cho đến cuối thế kỷ XX, tài liệu chính sử ghi chép lại cho thấy Trung Quốc vẫn không coi hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của họ. Điều này được ghi nhận bởi các sự kiện liên quan

đến 2 tàu La Bellona và Imeji Maru vận chuyển đồng dưới sự bảo hiểm của các công ty Anh quốc. Hai tàu này bị chìm trong khu vực quần đảo Hoàng Sa (Paracels), trong các năm 1895 và 1896. Các ngư dân Trung Quốc từ đảo Hải Nam đã thu nhặt đồng từ xác tàu chìm và đem đi bán cho các thương nhân ở Hải Nam. Các công ty bảo hiểm của hai con tàu đã phản đối với Chính phủ Trung Quốc, đòi Trung Quốc phải chịu trách nhiệm. Khâm sai Quảng Đông lúc đó đã trả lời Công sứ Anh tại Bắc Kinh rằng: "Paracels là những hòn đảo vô chủ, chẳng thuộc Trung Quốc cũng như chẳng thuộc An Nam, về mặt hành chính chúng không nằm trong địa phận của quận huyện nào ở Hải Nam và cũng không có cơ quan đặc trách nào lo việc cảnh sát ở đó cả". Trước những sự thật lịch sử hiển nhiên như vậy, Trung Quốc vẫn mạo nhận rằng họ đã chiếm đóng quần đảo Hoàng Sa từ thế kỷ thứ XV trong chuyến đi thứ tư của Trịnh Hòa năm 1413. Tuy nhiên, trong các sách sử chính thức của Trung Quốc ghi chép về những chuyến hải hành phái bộ Trịnh Hòa không phải để chinh phục vùng Biển Đông (mà họ gọi là Biển Hoa Nam) nơi có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đoàn thuyền của phái bộ này chỉ đi ngang qua Biển Đông hướng về Ấn Độ Dương, không hề ghé lại các đảo hay quần đảo nào của Việt Nam



Chùa Việt Nam trên đảo Trường sa Lớn



Bà con dân tộc miền núi Việt Nam thăm UBND xã đảo Song Tử Tây, quần đảo Trường Sa

Theo luật pháp quốc tế, muốn xác lập chủ quyền lãnh thổ trên biển và hải đảo phải hội đủ 3 điều kiện: phải có sự thực thi chủ quyền của Nhà nước; thực thi một cách liên tục và lâu dài; được sự thừa nhận của các quốc gia duyên hải, đặc biệt là các quốc gia tiếp cận và đối diện. Những tài liệu chính sử của Trung Quốc cho thấy cho đến thế kỷ XIX người Trung Quốc cũng chỉ đi ngang qua các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, không hề có việc tuyên bố, hành xử chủ quyền lâu dài và liên tục tại các đảo này. Thậm chí, có tài liệu của Trung Quốc còn mặc nhiên công nhận sự liên hệ của các quần đảo này với Việt Nam. Cuốn Hải Lục của Vương Bình Nam (1820-1842) viết: "Lộ trình phía ngoài được nối với lộ trình phía trong bởi Vạn Lý Trường Sa nằm giữa biển. Chiều dài của quần đảo khoảng vài chục ngàn dặm. Nó là bức phen dậu phòng thủ biên giới phía ngoài của nước An Nam". Hơn nữa, chính sử nhà Thanh còn ghi rõ cho đến cuối thế kỷ XIX lãnh thổ Trung Quốc chỉ chạy đến đảo Hải Nam tại vĩ tuyến 18 là hết, trong các bản đồ chính thức của triều đình không hề có các địa danh Tây Sa, Nam Sa hay Vạn Lý Trường Sa... Có thể khẳng định rằng nhà Thanh kết thúc từ năm 1911 chưa bao giờ tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Vì vậy, càng không bao giờ có cái gọi là "vùng biển

lịch sử" bao chiếm hầu như toàn bộ Biển Đông do Trung Quốc tự tuyên bố như là "ao nhà" của họ từ hàng ngàn năm về trước.



Đảo Trường Sa Lớn

Luật quốc tế cũng cho phép thủ đắc lãnh thổ do chiếm cứ, tuy nhiên phải hội đủ các điều kiện sau đây: chiếm cứ thực sự; chiếm cứ công khai; và chiếm cứ hoà bình. Không thể phủ nhận một sự thật lịch sử là vào năm 1956, Trung Quốc đã bí mật chiếm cứ vũ trang các đảo phía đông quần đảo Hoàng Sa. Năm 1974, Trung Quốc tiếp tục dùng vũ lực chiếm đoạt toàn bộ các đảo phía tây quần đảo Hoàng Sa từ Hải quân Việt Nam Cộng Hòa. Năm 1988, Trung Quốc tiếp tục đưa tàu chiến vũ trang hạng nặng chiếm đoạt một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa. Những vụ chiếm cứ này của Trung Quốc không mang tính hòa bình mà do sử dụng vũ lực mang tính xâm lăng nên không bao giờ được luật pháp quốc tế công nhận. Do đó, những đảo mà Trung Quốc đã cưỡng chiếm bằng vũ lực trên Biển Đông không được coi là hợp pháp nên không bao giờ có chủ quyền theo luật pháp quốc tế. Trong khi đó, Việt Nam đã chiếm cứ, quản lý, khai thác hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa công khai, liên tục, lâu dài và hoà bình ít nhất từ thế kỷ XVII cho đến nay, nên theo luật pháp quốc tế, Việt Nam có đủ điều kiện xác lập và hành xử chủ quyền của mình trên hai quần đảo này, kể cả các đảo đã bị cưỡng đoạt

bằng vũ lực và đang bị Trung Quốc chiếm đóng bất hợp pháp.

Khi Thế chiến thứ II còn đang tiếp diễn, năm 1943, đại diện ba cường quốc đồng minh là Hoa Kỳ, Anh và Trung Hoa Dân Quốc đã họp tại Cairo (Ai Cập) ra Tuyên cáo Cairo ngày 27-11-1943. Điều đáng lưu ý là tại Hội nghị Cairo, Trung Hoa Dân Quốc không hề đòi hỏi chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tháng 7-1945, đại diện Hoa Kỳ, Anh và Liên Xô họp tại Potsdam (Đức) ra Tuyên ngôn Potsdam ngày 26-7-1945, trong đó có việc ấn định thể thức giải giới quân đội Nhật tại Thái Bình Dương. Theo đó, Trung Quốc có nghĩa vụ giải giới quân đội Nhật tại Việt Nam từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc kể cả quần đảo Hoàng Sa; quân đội Anh từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam kể cả quần đảo Trường Sa. Giải giới không có nghĩa là tiếp thu hay chiếm lãnh thổ. Do đó nếu Anh không có chủ quyền lãnh thổ ở Trường Sa thì Trung Quốc cũng không có chủ quyền lãnh thổ tại Hoàng Sa, và dĩ nhiên cũng không có chủ quyền ở Trường Sa. Tại Hội nghị San Francisco năm 1951 Nhật Bản đã khước từ chủ quyền lãnh thổ tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà nước này chiếm đóng trong chiến tranh. Hội nghị cũng đã phủ nhận chủ quyền của Trung Quốc và mặc nhiên thừa nhận chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo này. Ngày 7-5-1951, tại phiên họp toàn thể Hội nghị, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Chính phủ Quốc gia Việt Nam Trần Văn Hữu đã lên diễn đàn công bố chủ quyền của Việt Nam tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và không có sự phản kháng nào của tất cả các quốc gia tham dự hội nghị. Về mặt pháp lý quốc tế, với sự công bố chủ quyền của Việt Nam tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trước 51 quốc gia hội viên Liên Hợp Quốc, có nghĩa là kể từ năm 1951 các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được cộng đồng thế giới thừa nhận thuộc chủ quyền lãnh thổ

của Việt Nam. Điều này có giá trị tuyệt đối, kể cả đối với các quốc gia không tham dự Hội nghị. Ba năm sau, Hiệp định Genève 1954 tiếp tục khẳng định rõ ràng chủ quyền của Việt Nam tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ngoài ra, Hiệp định Genève 1954 cũng khẳng định: "Các quốc gia tham dự Hội nghị Genève (trong đó có Trung Quốc) cam kết tôn trọng chủ quyền độc lập, nền thống nhất quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam".



Đoàn đại biểu các dân tộc Việt Nam tại mốc chủ quyền trên đảo Trường Sa Lớn

Căn cứ vào những tài liệu lịch sử chính thức có giá trị pháp lý quốc tế, Trung Quốc đã ý thức được sự yếu kém của họ về cả 3 mặt pháp lý, địa lý và lịch sử. Do đó, họ không bao giờ dám công khai thảo luận về vấn đề tranh chấp chủ quyền các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng như các đảo khác trên Biển Đông. Họ thường né tránh và luôn tuyên bố đó là một vấn đề "không thể chối cãi" hay "không thể tranh luận". Lý do rất đơn giản vì họ không có đủ tài liệu hay lý lẽ để có thể đưa ra tranh nghị một cách công khai trước sự giám sát của cộng đồng quốc tế cũng như của các tổ chức đảm bảo việc thực thi luật pháp quốc tế để có thể chứng minh chủ quyền hợp pháp của họ tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Theo luật pháp quốc tế, ngày nay tất cả các cuộc xâm chiếm lãnh thổ bằng vũ lực đều bị coi là bất hợp pháp nên không có giá trị pháp lý để xác

lập chủ quyền lãnh thổ. Do đó, các đảo mà Trung Quốc đã cưỡng chiếm bằng vũ lực và đang chiếm giữ bất hợp pháp trên Biển Đông, cũng như tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt

Nam là không bao giờ thuộc chủ quyền lãnh thổ của Trung Quốc.

Đại đoàn kết

BIỂN ĐÔNG CÓ VỊ TRÍ TRỌNG YẾU RA SAO?

Có thể thấy, Biển Đông không chỉ là địa bàn chiến lược, không gian sinh tồn (phát triển và an ninh) và chiếm vị trí địa chính trị quan trọng đối với các quốc gia trong khu vực mà còn cả của Châu Á – Thái Bình Dương và Mỹ.

Biển Đông có tầm quan trọng và vị thế địa chiến lược trọng yếu không chỉ đối với các quốc gia và vùng lãnh thổ bao quanh, mà còn đối với khu vực Đông Á và thế giới. Trước hết vì Biển Đông nằm trên tuyến hàng hải huyết mạch nối liền Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, Châu Âu – Châu Á, Trung Đông – Châu Á. Là một phần của tuyến đường biển nối trực tiếp Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, Biển Đông đóng vai trò vô cùng quan trọng trong thương mại hàng hải toàn cầu.

Điểm trọng yếu thứ hai của Biển Đông là các đảo, quần đảo ngoài khơi, như Hoàng Sa và Trường Sa đều nằm ở vị trí trung tâm – một trong những nơi có nhiều tuyến đường hàng hải đi qua nhất trên thế giới. Các quần đảo này đóng vai trò cực kỳ quan trọng với tư cách là các vị trí phòng thủ chiến lược trọng yếu đối với nhiều quốc gia trong khu vực Biển Đông. Đồng thời là các cơ sở hậu cần phục vụ các hoạt động biển xa, như kiểm soát các tuyến hàng hải đi qua lại trên Biển Đông, dùng cho mục đích quân sự như đặt trạm ra-đa, các trạm thông tin, xây dựng các trạm dừng và tiếp nhiên liệu cho tàu thuyền, v.v.

Các chiến lược gia phương Tây cho rằng quốc gia nào kiểm soát được quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa sẽ kiểm soát và khống chế được toàn bộ Biển Đông.



Ngoài ra, khu vực Biển Đông còn có những eo biển quan trọng đối với nhiều quốc gia và với 4 trong 16 con đường chiến lược của thế giới nằm trong khu vực Đông Nam Á. Đó là các eo biển: Malacca, Luzon, Lombok, Sunda, Makascha và Ombai-Wetar.

Đặc biệt, eo biển Malacca (nằm giữa đảo Sumatra của Indonesia, Malaysia và Singapore) có vị trí vô cùng quan trọng vì tất cả hàng hóa của Đông Nam Á và Bắc Á đều phải đi qua Biển Đông. Đây cũng là eo biển có lượng tàu thuyền đi qua nhộn nhịp và lượng dầu vận tải hàng năm qua đây chiếm vị trí thứ 2 thế giới, sau eo biển Hormuz (Cộng hòa Iran).

Ba eo biển thuộc chủ quyền Indonesia là Sundan, Lombok và Makascha đóng vai trò dự phòng trong tình huống eo biển Malacca ngừng hoạt động vì lý do nào đó. Tuy nhiên, nếu

phải vận chuyển qua các eo biển này thì hàng hóa giữa Ấn Độ Dương sang ASEAN và Bắc Á sẽ chịu cước phí cao hơn vì quãng đường dài hơn.

Eo biển Luzon nằm giữa đảo Luzon của Philippines và vùng lãnh thổ Đài Loan, là cửa liên thông của tuyến hàng hải quốc tế qua Biển Đông với khu vực Tây Bắc và Bắc Thái Bình Dương.

Tuyến đường vận tải quốc tế qua Biển Đông được coi là nhộn nhịp thứ 2 trên thế giới và điểm gần nhất của tuyến vận tải biển này chỉ cách Côn Đảo (Việt Nam) chừng 38 km. Mỗi ngày có khoảng 300 tàu vận tải các loại qua lại Biển Đông, bao gồm 200 tàu chở dầu, 50% số tàu này có trọng tải trên 5.000 tấn, hơn 10% từ 30.000 tấn trở lên.

Các tuyến đường biển nói trên là “yết hầu” cho giao lưu hàng hóa của nhiều nước Châu Á. Hơn qua vùng Biển Đông với giá trị thương mại khoảng 5,3 nghìn tỷ USD. Theo thống kê của Cơ quan năng lượng Mỹ, 1/3 lượng dầu thô và hơn 1/2 lượng khí hóa lỏng được chuyên chở qua Biển Đông. Lượng dầu lửa và khí hóa lỏng được vận chuyển qua vùng biển này lớn gấp 15 lần lượng chuyên chở qua kênh đào Panama ở Trung Mỹ. Hàng năm có khoảng 70% khối lượng dầu mỏ nhập khẩu và khoảng 45% khối lượng hàng hóa xuất khẩu của Nhật Bản được vận chuyển qua Biển Đông. Trung Quốc có 29/39 tuyến hàng hải và khoảng 60% lượng hàng hóa xuất nhập khẩu, 70% lượng dầu mỏ nhập khẩu được vận chuyển bằng biển qua Biển Đông.

Lượng xuất khẩu hàng hóa qua Biển Đông của các quốc gia Đông Nam Á là 55%, các quốc gia công nghiệp mới là 26%, Úc là 40%. Đối với Việt Nam, 100% hàng hóa xuất nhập khẩu đều phải đi qua Biển Đông. Nếu khủng hoảng xảy ra ở vùng biển này, các loại tàu biển phải chạy theo đường mới hoặc vòng qua Nam Australia thì cước phí

vận tải thậm chí sẽ tăng gấp năm lần và không còn đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Về tầm quan trọng của môi trường, Biển Đông được coi là một trung tâm của thế giới về đa dạng sinh học. Theo thống kê, trong Biển Đông tập trung 12% tổng diện tích rừng ngập mặn của thế giới và 30% tổng diện tích rừng ngập mặn của Châu Á. Đây cũng là nơi có 20% tổng diện tích rạn san hô của khu vực Đông Nam Á (mà khu vực này lại chiếm 34% tổng diện tích san hô của thế giới).

Biển Đông là một vùng biển có nguồn lợi hải sản rất quan trọng. Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), Biển Đông là vùng biển được xếp hạng thứ 4 trong số 19 khu vực đánh cá tốt nhất trên thế giới về tổng sản lượng đánh bắt cá hàng năm. Nguồn lợi hải sản Biển Đông được cho là có khoảng hơn 1.000 loài cá, hơn 90 loài tôm và hơn 70 loài thân mềm. Khai thác hải sản là một ngành kinh tế rất quan trọng đối với các quốc gia ven Biển Đông. Mỗi năm có khoảng 6 triệu tấn hải sản được đánh bắt tại đây, tương đương 10% tổng khối lượng hải sản được đánh bắt trên toàn thế giới.

Có thể thấy, Biển Đông không chỉ là địa bàn chiến lược, không gian sinh tồn (phát triển và an ninh) và chiếm vị trí địa chính trị quan trọng đối với các quốc gia trong khu vực mà còn cả của Châu Á – Thái Bình Dương và Mỹ. Đặc biệt, Biển Đông đã trở thành địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng truyền thống của các nước lớn trong lịch sử. Đây cũng là nơi tích tụ, tập trung các mô hình chính trị, kinh tế xã hội và văn hóa đa dạng của thế giới, bao gồm sự giao thoa của các nền văn minh: Trung Hoa, Ấn Độ, Đông Nam Á đảo và Đông Nam Á lục địa. Các tranh chấp chủ quyền biển, đảo trong Biển Đông cũng được xem là kéo dài, phức tạp, nhiều bên nhất trong lịch sử.

Về vị trí pháp lý, Biển Đông chứa đựng các yếu tố liên quan đến: quốc gia ven biển, quốc gia quần đảo, quốc gia không có biển, các vùng biển thuộc quyền tài phán quốc gia, vùng đánh cá, phân định biển, vấn đề biển nửa kín, eo biển quốc tế, hợp tác quản lý tài nguyên sinh vật, các đàn cá di cư xa và đánh cá xuyên biên giới, khai thác chung, bảo tồn biển, nghiên cứu khoa học biển, chống cướp biển, an toàn và tự do hàng hải và hàng không, tìm kiếm và cứu nạn và đặc biệt là hợp tác bảo vệ môi trường biển, v.v.

Ngày nay khi giao thương phát triển, đặc biệt là trên biển, sự phụ thuộc của các quốc gia vào các tuyến đường biển đi qua Biển Đông ngày một lớn hơn. Chính vì thế, nếu Biển Đông bị một hoặc một nhóm quốc gia liên minh nào khống chế sẽ đều ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích an ninh, chính trị và sự thịnh vượng về mặt kinh tế của khu vực, bao gồm Việt Nam.

Sỹ Tuấn
<http://vietnamnet.vn>

ĐỂ KINH TẾ BIỂN THÀNH NGÀNH MŨI NHỌN CẦN PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN

Với ngư trường rộng lớn khoảng 52.000 km², có đảo Phú Quý ngoài khơi cách thành phố Phan Thiết 120 km, Bình Thuận còn có tiềm năng rất lớn về khai thác hải sản. Đây là một trong những ngư trường lớn của cả nước, có nguồn lợi hải sản phong phú. Vùng biển ven bờ của tỉnh còn là nơi sinh sống của một số loài thân mềm hai mảnh vỏ có giá trị kinh tế cao như điệp quạt, sò lông, bàu mai, nghêu lưa, dòm nâu... là những loài đặc thù hầu như không gặp ở các vùng biển ven bờ khác của cả nước với sản lượng khai thác 20.000 - 40.000 tấn mỗi năm. Diện tích các bãi bồi, bãi triều ven sông và cận bờ biển có thể nuôi tôm bán thâm canh. Đảo Phú Quý có thể nuôi cá lồng bè và các loại hải sản khác...

Phát huy thế mạnh bờ biển dài và ngư trường rộng lớn, tỉnh đã đẩy mạnh đầu tư khai thác hiệu quả kinh tế biển

và đã có bước chuyển biến đáng kể. Khai thác hải sản xa bờ được xem đây là một ngành mũi nhọn. Đội tàu công suất lớn (từ 90 CV trở lên) tiếp tục gia tăng về số lượng, công suất, trở thành đội tàu chủ lực của tỉnh trên vùng biển khơi. Có đóng góp quan trọng về sản lượng và giá trị sản phẩm, giải quyết việc làm và tạo thu nhập cho hàng chục ngàn lao động biển. Toàn tỉnh hiện có 2.895 tàu cá công suất từ 90 CV trở lên, tăng 1.190 chiếc so với năm 2010, tỷ trọng nhóm tàu công suất lớn từ 27,7% năm 2012 tăng lên 40,8 năm 2016 trong đội tàu khai thác toàn tỉnh. Hàng năm số lượng tàu thuyền được trang bị máy thông tin vô tuyến tầm xa, định vị GPS, máy dò cá ngang, tời cơ khí, tời thủy lực, hầm bảo quản cách nhiệt bằng vật liệu mới... tăng lên. Cơ cấu ngành nghề có bước chuyển đổi tích cực, đội ngũ thuyền trưởng, máy trưởng và một bộ phận lao động nông cốt khai thác xa bờ được trang bị

kiến thức về pháp luật hàng hải và kiến thức khuyến ngư trong vận hành sử dụng các thiết bị tàu cá, nghiệp vụ đi biển, tích lũy kinh nghiệm qua nhiều năm.



Ảnh: Đ.H

Tỉnh đẩy mạnh phát triển tàu cá, tàu dịch vụ hậu cần, tàu thu mua chế biến hải sản trên biển. Toàn tỉnh hiện có 7.100 tàu cá/ tổng công suất 916.558 CV, công suất đạt 129,1CV/chiếc, trong đó có 168 tàu dịch vụ thu mua hải sản trên biển chủ yếu hoạt động theo mùa vụ từ tháng 3 - tháng 9 hàng năm tại ngư trường của tỉnh và các tỉnh phía Nam. Sản lượng thu mua khoảng 50 tấn nguyên liệu/tàu/năm, trong đó có nhiều loại hải sản có giá trị cao phục vụ xuất khẩu. Nhờ dịch vụ thu mua trực tiếp trên biển mà chu trình sản xuất được liên tục, giảm được nhiều chi phí trung gian và chất lượng sản phẩm sau khai thác được đảm bảo

hơn, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác, tạo điều kiện để ngư dân bám biển dài ngày. Bình Thuận đi đầu cả nước trong phát triển đội tàu dịch vụ hậu cần thu mua hải sản trên biển với hơn 100 tàu công suất lớn, chuyên thu mua hải sản tại vùng biển Trường Sa, Nhà giàn DK1... Đến nay, toàn tỉnh có 5 nghiệp đoàn nghề cá tại Phan Thiết, La Gi, Phan Rí Cửa và huyện đảo Phú Quý với 72 tàu đánh bắt xa bờ và sự tham gia của 746 đoàn viên nghiệp đoàn. Đây là những mô hình hợp tác giúp đỡ nhau trong khai thác, tiêu thụ sản phẩm, trao đổi kinh nghiệm đánh bắt hải sản và hỗ trợ tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn khi có sự cố trên biển, đồng thời góp phần bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới biển.

Nhờ đầu tư tàu công suất lớn bám biển dài ngày, hàng năm ngư dân tỉnh khai thác khoảng 190.000 tấn hải sản các loại. Cùng với khai thác, nghề nuôi trồng thủy sản, sản xuất, tiêu thụ tôm giống cũng phát triển mạnh và sản lượng thủy sản nuôi trồng mỗi năm ước đạt gần 15.000 tấn; sản xuất tiêu thụ hơn 22 tỷ con tôm giống. Để khai thác hiệu quả bền vững kinh tế biển trong thời gian tới, tỉnh đã đề ra các chính sách, biện pháp để huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế biển đảo.

Thanh Duyên /
<http://www.baobinhthuan.com.vn>

BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Biển, đảo Việt Nam là một bộ phận lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc. Biển không chỉ chứa đựng tiềm năng kinh tế to lớn, cửa ngõ mở rộng quan hệ giao thương với quốc tế mà còn đóng vai trò quan trọng bảo đảm an ninh, quốc phòng đồng thời là địa bàn chiến lược trọng yếu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc không chỉ thể hiện tư duy của Đảng ta trong các nghị quyết đại hội mà còn trở thành một trong những nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, lâu dài đối với toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, của cả hệ thống chính trị.



Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Ngày trước ta chỉ có đêm và rừng, ngày nay ta có ngày, có trời, có biển. Bờ biển ta dài, tươi đẹp, ta phải biết giữ gìn lấy nó”. Khẳng định của Người không chỉ thôi thúc cả dân tộc quyết tâm đánh bại đế quốc và tay sai,

giải phóng dân tộc mà còn đặt trách nhiệm cho các thế hệ người Việt Nam phải biết chăm lo phát huy lợi thế và bảo vệ vững chắc vùng trời, biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Vì vậy, trong suốt tiến trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam nói chung, lãnh đạo sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay nói riêng, Đảng ta luôn quan tâm đến việc phát huy lợi thế của đất nước về biển, kết hợp với phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam, coi đó là một trong những động lực cơ bản cho sự phát triển bền vững của đất nước. Đảng ta xác định “Trong khi không một phút lơ là nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta và nhân dân ta phải đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội”[1]. Đại hội lần thứ VII của Đảng còn chỉ rõ: Từng bước khai thác toàn diện các tiềm năng to lớn của kinh tế biển, phát triển kinh tế ở hải đảo, làm chủ lãnh hải và thềm lục địa, thực hiện chủ quyền đối với vùng đặc quyền kinh tế. Đến Đại hội lần thứ VIII của Đảng tiếp tục xác định: “Vùng biển và ven biển là địa bàn chiến lược về kinh tế và an ninh, quốc phòng, có nhiều lợi thế phát triển và là cửa mở lớn của cả nước để đẩy mạnh giao lưu quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài. Khai thác tối đa tiềm năng và các lợi thế của vùng biển, ven biển, kết hợp với an ninh, quốc phòng, tạo thế và lực để phát triển mạnh kinh tế - xã hội, bảo vệ và làm chủ vùng biển của Tổ quốc”[2].

Hiện nay mật độ dân cư trên biển, đảo và quần đảo thấp, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội các vùng ven biển, trên biển và trên các đảo còn chưa hoàn

thiện; khả năng bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia còn nhiều hạn chế... Do đó, cần phải đầu tư một cách thích đáng về mọi mặt, bảo đảm cho phát triển kinh tế và tăng cường khả năng bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia trên biển; kết hợp chặt chẽ các yếu tố: Kinh tế, chính trị, ngoại giao, quân sự, tạo sự liên kết giữa biển, đảo và bờ nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển. Vì vậy, Đại hội IX của Đảng chủ trương: “Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế biển và hải đảo, phát huy thế mạnh đặc thù của hơn 1 triệu kilômét vuông thềm lục địa. Tăng cường điều tra cơ bản làm cơ sở cho các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển. Xây dựng căn cứ hậu cần ở một số đảo để tiến ra biển khơi. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo vệ an ninh trên biển”[3].

Quy hoạch phát triển kinh tế ở các đảo và quần đảo phải gắn bó với công tác xây dựng địa bàn quốc phòng và an ninh, xây dựng thế trận “quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân” trên biển. Đại hội X của Đảng ta khẳng định: “Phát triển mạnh kinh tế biển vừa toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm với những ngành có lợi thế so sánh để đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế... Nhanh chóng phát triển kinh tế-xã hội ở các hải đảo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh”[4]. Đặc biệt, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X) về “Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020” xác định: “Phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho đất nước giàu mạnh. Xây dựng và phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học-công nghệ, tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh... Phấn đấu đến năm 2020, kinh tế trên biển và ven biển

đóng góp khoảng 53% - 55% tổng GDP của cả nước. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cải thiện một bước đáng kể đời sống nhân dân vùng biển và ven biển”[5].

Tình hình mới, nhất là từ khi Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 trong vùng biển Việt Nam việc bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo đối với nước ta càng đặt ra yêu cầu cao hơn trong mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Quan điểm xuyên suốt của Đảng ta trong xử lý các mối quan hệ quốc tế và khu vực hiện nay đặt ra phải luôn tỉnh táo, bình tĩnh, khôn khéo, không bị kích động, xúi giục gây xung đột vũ trang, chiến tranh; giải quyết mọi vấn đề bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử của khu vực. Vì vậy, trước sự biến đổi không ngừng của tình hình thế giới, khu vực và trên biển Đông thời gian qua, nhiệm vụ phòng thủ, bảo vệ đất nước nhất là an ninh trên biển trở thành nhiệm vụ nặng nề, đặt trước nhiều khó khăn, thách thức. Phát huy lợi thế kết hợp với bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo Việt Nam đang trở thành nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay. Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng xác định: “Mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững chủ quyền biển, đảo, biên giới, vùng trời; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa...”[6]. Đồng thời, Đảng ta chủ trương: “Phát triển mạnh kinh tế biển tương xứng với vị thế và tiềm năng biển của nước ta, gắn phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền vùng biển. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, tạo thành các trung tâm kinh tế biển mạnh, tạo thế tiến ra biển, gắn với phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, nhất là các ngành có giá trị gia tăng cao như dịch vụ xuất, nhập khẩu,

du lịch, dịch vụ nghề cá, dịch vụ dầu khí, vận tải... Phát triển kinh tế đảo phù hợp với vị trí, tiềm năng và lợi thế của từng đảo"[7]. Quan điểm, chủ trương của Đảng về phát huy lợi thế kết hợp bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam không chỉ thể hiện sự phát triển năng lực tư duy lãnh đạo của Đảng đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình mới, mà còn là ý chí, nguyện vọng của nhân dân Việt Nam trước bối cảnh quốc tế phức tạp như hiện nay.

Bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đặt ra nhiệm vụ cấp bách không ngừng củng cố, tăng cường sức mạnh quốc gia, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân trên biển. Trong đó, xây dựng thế trận lòng dân, đảm bảo bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc là vấn đề chiến lược, mang tính cấp bách, then chốt. Vì vậy, để phát huy lợi thế kết hợp với bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trước mắt và lâu dài, cần tập trung thực hiện tốt một số vấn đề sau đây:

1. Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, sớm đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế.

Để kinh tế biển tương xứng với vị thế và tiềm năng biển của nước ta và gắn phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền vùng biển cần: phát triển mạnh nghề đánh bắt xa bờ thông qua việc hỗ trợ cho ngư dân vay vốn và phát triển lực lượng quốc doanh. Chống ô nhiễm môi trường biển, sông ngòi, ao hồ và nghiêm cấm khai thác thủy hải sản bằng phương pháp hủy diệt. Phát triển hệ thống cảng biển, vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, hải sản, dịch vụ biển; đẩy nhanh ngành công nghiệp đóng tàu biển và công nghiệp khai thác, chế biến hải sản, trong đó, tập trung vào các địa bàn trọng

điểm chiến lược và những khu vực nhạy cảm trên biên giới đất liền, biển đảo. Xây dựng công nghiệp quốc phòng trong hệ thống công nghiệp quốc gia dưới sự chỉ đạo, quản lý điều hành trực tiếp của Chính phủ, đầu tư có chọn lọc theo hướng hiện đại, vừa phục vụ quốc phòng vừa phục vụ dân sinh. Tiếp tục điều tra tài nguyên và sinh vật biển để có kế hoạch khai thác, bảo vệ. Phát triển mạnh công nghiệp đóng và sửa chữa tàu biển.

Phát triển nhanh một số khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp năng lượng, công nghiệp hàng hải, đóng tàu, nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản chất lượng cao... Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, tạo thành các trung tâm kinh tế biển mạnh, tạo thế tiến ra biển, gắn với phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, nhất là các ngành có giá trị gia tăng cao như dịch vụ xuất, nhập khẩu, du lịch, dịch vụ nghề cá, dịch vụ dầu khí, vận tải biển ... Phát triển kinh tế các vùng đảo, quần đảo phù hợp với vị trí, tiềm năng và lợi thế của từng đảo, quần đảo. Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

2. Xây dựng lực lượng bảo vệ chủ quyền biển, đảo vững mạnh đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong tình hình mới.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ quan trọng này, cần phải phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, trong đó, lực lượng trực tiếp và tại chỗ là nòng cốt. Với lẽ đó, cả trong thời gian trước mắt và lâu dài, chúng ta cần quan tâm hơn nữa đến các hoạt động xây dựng lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo như lực lượng Hải

quân, Biên Phòng, Cảnh sát biển, dân quân tự vệ biển đủ mạnh, có số lượng hợp lý, chất lượng tổng hợp cao, lấy chất lượng chính trị làm cơ sở. Chú trọng nâng cao trình độ kỹ, chiến thuật, trình độ hợp đồng tác chiến giữa các lực lượng, đảm bảo khả năng xử lý linh hoạt và hiệu quả các tình huống có thể xảy ra trên biển; quan tâm đúng mức đến công tác đảm bảo vũ khí, trang bị kỹ thuật cho các lực lượng nòng cốt như Hải quân và Cảnh sát biển phù hợp với xu thế phát triển trong khu vực và yêu cầu nhiệm vụ của từng đơn vị. Kết hợp chặt chẽ giữa sức mạnh của bộ đội chủ lực với khả năng xử lý tình huống mau lẹ, trực tiếp của các lực lượng quân sự và dân sự ở các địa phương ven biển, luyện tập các phương án hợp đồng tác chiến trên biển, trong đó kết hợp chặt chẽ nghệ thuật tác chiến truyền thống của dân tộc với các phương án tác chiến sử dụng vũ khí công nghệ cao trong xử lý các tình huống có thể xảy ra. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng lực lượng quản lý, khai thác và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam, đặc biệt là vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội ở các địa phương có biển.

3. Kiên trì đối thoại tìm kiếm giải pháp hoà bình, tham gia xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử trên Biển Đông, kết hợp chặt chẽ các hình thức, biện pháp chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng trong quản lý vùng trời, bảo vệ biển, đảo.

Trước những vấn đề chủ quyền biển đảo ngày càng nóng, Việt Nam luôn chủ trương, chủ động xử lý đúng đắn nhiều vấn đề nhạy cảm bằng đối thoại, thương lượng thông qua con đường ngoại giao. Việt Nam luôn đưa ra yêu cầu các bên liên quan kiềm chế, không có các hoạt động làm phức tạp thêm tình hình ở Biển Đông, tuân thủ cam kết giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình, trên cơ sở các nguyên

tắc của luật pháp quốc tế, Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và 5 nguyên tắc chung sống hòa bình, tăng cường các nỗ lực xây dựng lòng tin, hợp tác đa phương về an toàn biển, nghiên cứu khoa học, chống tội phạm; cùng nhau nghiêm chỉnh thực hiện Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) ký năm 2002 giữa một bên là Hiệp hội các quốc gia Đông Nam á (ASEAN) và một bên là Trung Quốc, hướng tới xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử (COC), để Biển Đông thực sự là vùng biển hòa bình, ổn định, hữu nghị và phát triển, vì lợi ích của tất cả các nước trong khu vực, vì an ninh chung của khu vực và trên toàn thế giới.

Mở rộng và tăng cường hợp tác hữu nghị với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới cũng như với các tổ chức quốc tế trong các vấn đề có liên quan đến biển, đảo trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, lợi ích quốc gia và pháp luật quốc tế, bảo đảm an ninh và an toàn hàng hải quốc tế; cùng nhau xây dựng khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

4. Kết hợp chặt chẽ giữa thúc đẩy nhanh quá trình dân sự hóa trên biển, nhất là ở một số vùng biển, đảo có vị trí chiến lược kinh tế với xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh trên biển vững mạnh, đủ khả năng bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.

Dân sự hóa các vùng biển, đảo vừa là cơ sở để chúng ta khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên trên biển, vừa là tiền đề để xây dựng, củng cố và phát huy lực lượng tại chỗ phục vụ chiến lược quốc phòng - an ninh trên biển. Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, Đảng ta đã khẳng định: “Thực hiện quá trình dân sự hóa trên biển, đảo gắn với tổ chức dân cư, tổ chức sản xuất và khai thác biển. Có chính sách đặc biệt để khuyến khích mạnh mẽ nhân dân ra định cư ổn định và làm ăn dài ngày trên biển; thí điểm xây dựng các khu quốc phòng-

kinh tế tại các đảo, quần đảo Trường Sa, vùng biển, đảo ở Đông Bắc...”[8]. Đây là một chủ trương chiến lược có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo của đất nước. Chủ trương này đã và đang được hiện thực hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển đi đôi với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền của Việt Nam trên biển.

Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, công tác dân sự hóa trên các vùng biển, đảo, nhất là ở những vùng biển, đảo chiến lược đã được đẩy mạnh, tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để củng cố và xây dựng thế trận lòng dân trên biển. Ở một số đảo có vị trí đặc biệt quan trọng về an ninh, quốc phòng, quá trình dân sự hoá bước đầu được thực hiện có hiệu quả, tạo được dư luận tốt đối với quần chúng nhân dân trong và ngoài nước. Cơ sở hạ tầng trên nhiều đảo được xây dựng ngày càng khang trang; đời sống của nhân dân trên các đảo từng bước đi vào ổn định; tư tưởng của nhân dân định cư trên các đảo tiên tiêu của Tổ quốc hoàn toàn tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng.

Kết hợp chặt chẽ hơn nữa giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh. Việc quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực ven biển, trên biển và các đảo phải tuân thủ các yêu cầu đặt ra trong kế hoạch tổng thể của khu vực phòng thủ địa phương, phải mang tính hệ thống, bảo đảm sự liên kết chặt chẽ giữa biển, đảo với đất liền; kết hợp chặt chẽ giữa thế trận “tĩnh” của đảo và bờ với thế “động” của lực lượng tác chiến cơ động trên biển tạo nên thế trận liên hoàn, vững chắc. Trang bị kỹ thuật phục vụ cho mục đích kinh tế - xã hội phải phù hợp với hệ thống trang bị kỹ thuật quốc phòng - an ninh trong hệ thống các cụm lực lượng

trên biển, thực hiện kiểm soát, giám sát, báo động, chi viện, hỗ trợ nhau trong đấu tranh phòng chống các hoạt động xâm phạm chủ quyền, lợi ích quốc gia. Các cơ sở hậu cần, kỹ thuật kinh tế - xã hội ven bờ, trên biển và trên các đảo phải sẵn sàng huy động cho nhiệm vụ quốc phòng, ưu tiên xây dựng các đảo tiên tiêu xa bờ có công sự kiên cố, trang bị hỏa lực mạnh, có khả năng tác chiến dài ngày. Quá trình thiết kế, xây dựng hạ tầng cơ sở trên biển, đảo phải mang tính lưỡng dụng cao, không chỉ bền vững trước tác động của môi trường biển mà còn phải bền vững khi chuyển sang phục vụ mục đích quốc phòng - an ninh.

Xây dựng lực lượng kiểm ngư đủ mạnh để bảo vệ việc khai thác, đánh bắt hải sản của ngư dân trên biển, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn trên biển; đồng thời kiểm tra, giám sát, phát hiện, ngăn chặn các hành động khai thác hải sản trái phép của nước ngoài trên vùng biển của Việt Nam. Các địa phương ven biển, huyện đảo phải có lực lượng dân quân tự vệ vừa tham gia sản xuất, khai thác hải sản, vừa làm nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự trên biển, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các hành động xâm phạm lợi ích, chủ quyền quốc gia.

Biển, đảo Việt Nam là một bộ phận lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước hiện nay và mai sau. Phát huy lợi thế, khai thác tiềm năng thế mạnh kết hợp với bảo vệ chủ quyền biển, đảo là nhiệm vụ trọng yếu và là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Để hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng và cao cả đó, hơn lúc nào hết phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành thống nhất của Nhà nước, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài

phán, toàn vẹn vùng biển nói riêng và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc nói chung, xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nước ta thực sự trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển.

[1] VKĐTT, t.43, tr.57.

[2] Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb CTQG, H.1996, tr. 211

[3] Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb, CTQG, H.2001, tr.181-182

[4] Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb CTQG, H.2006, tr. 225

[5] Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Nxb CTQG, H.2007, tr. 76

[6] Văn kiện Đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam, tr.121-122.

[7] Văn kiện Đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị - Hành chính, H.2011, tr.125.

[8] Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Khóa X, Nxb CTQG, H, 2007, tr.85.

Huyền Trang
Theo Tạp chí Xây dựng Đảng

PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN, ĐÀO GẮN VỚI BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG - AN NINH

Kinh tế biển có thể hiểu là các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển và các hoạt động kinh tế trực tiếp liên quan đến khai thác biển ở dải đất liền ven biển. Đóng góp của lĩnh vực kinh tế diễn ra trên biển ở Việt Nam, trong đó có khai thác dầu khí, hải sản, hàng hải (vận tải biển và dịch vụ cảng biển) và du lịch biển chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với các ngành kinh tế có liên quan trực tiếp tới khai thác biển như đóng và sửa chữa tàu biển, chế biến dầu khí, chế biến thủy/hải sản, thông tin liên lạc...

Lợi thế từ kinh tế biển

Với đường bờ biển kéo dài hơn 3.260 km cùng hơn 3.000 hòn đảo lớn, nhỏ, Việt Nam có thế mạnh về biển và có nhiều tiềm năng làm giàu từ biển. Biển, hải đảo nước ta nằm chủ yếu ở

Biển Đông bao gồm nhiều khu vực khác nhau với diện tích trên 1.000.000 km² (chiếm khoảng 30% diện tích Biển Đông và lớn gấp hơn 3 lần diện tích đất liền). Biển Việt Nam cùng với đất liền tạo ra môi trường sinh sống và phát triển bền vững của cả dân tộc. Vùng biển ven bờ Việt Nam có khoảng 2.773 hòn đảo lớn, nhỏ, chủ yếu nằm ở Vịnh Bắc Bộ, số còn lại phân bố ở khu vực biển Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nam. Ngoài ra, có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở giữa Biển Đông. Đây là một bộ phận cấu thành phạm vi chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, cùng với đất liền tạo ra môi trường sinh tồn và phát triển bền vững của dân tộc ta.

Biển cũng là hướng phòng thủ chiến lược của đất nước ta. Lịch sử

cho thấy, nhiều cuộc chiến tranh xâm lược của kẻ thù đối với nước ta được bắt đầu từ hướng biển. Ngày nay, vùng biển, đảo càng trở nên một hướng đặc biệt quan trọng, xung yếu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng - an ninh bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo là điều Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, chú trọng.

Đại hội lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996), lần đầu tiên Đảng ta bàn về phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển, đặc biệt là các giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo. Nghị quyết Đại hội VIII chỉ rõ: “Vùng biển và ven biển là địa bàn chiến lược về kinh tế và an ninh, quốc phòng, có nhiều lợi thế phát triển và là cửa mở lớn của cả nước để đẩy mạnh giao lưu quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài. Khai thác tối đa tiềm năng và các lợi thế của vùng biển và ven biển, kết hợp với an ninh, quốc phòng, tạo thế và lực để phát triển mạnh kinh tế - xã hội, bảo vệ và làm chủ vùng biển của Tổ quốc”(1). Ngày 22-9-1997, Bộ Chính trị (khóa VIII) ban hành Chỉ thị 20-CT/TU về “Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa”. Đặc biệt, tại Đại hội X (tháng 4-2006), Đảng ta khẳng định: “Phát triển mạnh kinh tế biển vừa toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm với những ngành có lợi thế so sánh để đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế. Hoàn chỉnh quy hoạch và phát triển có hiệu quả hệ thống cảng biển và vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, khai thác và chế biến hải sản, phát triển du lịch biển, đảo. Đẩy mạnh phát triển ngành

công nghiệp đóng tàu và phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ bổ trợ. Hình thành một số hành lang kinh tế ven biển. Nhanh chóng phát triển kinh tế - xã hội ở các hải đảo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh”(2).

Từ sau Đại hội Đảng lần thứ XI đến nay, chủ trương phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo đã được điều chỉnh cụ thể, chi tiết hơn. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ rõ cần kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh; quốc phòng - an ninh với kinh tế trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và trên từng địa bàn. Trong đó, một số nội dung được nhấn mạnh như những giải pháp tích cực để gắn phát triển kinh tế với bảo vệ chủ quyền biển, đảo như tăng cường công tác quy hoạch; xây dựng kết cấu hạ tầng; xây dựng các vùng biển, đảo ở địa bàn chiến lược đều phải gắn kết chặt chẽ với quá trình tăng cường lực lượng, tiềm lực, thế trận quốc phòng - an ninh; nhiệm vụ, phương án, kế hoạch tác chiến và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo; chăm lo xây dựng thế trận lòng dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện quân với dân một ý chí; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội.... Tại Đại hội Đảng lần thứ XII, Đảng ta cũng nhấn mạnh: “Phát triển kinh tế biển nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp dầu khí, đánh bắt xa bờ và hậu cần nghề cá, kinh tế hàng hải (kinh doanh dịch vụ cảng biển, đóng và sửa chữa tàu, vận tải biển), du

lịch biển, đảo. Có cơ chế tạo bước đột phá về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế biển, thu hút mạnh hơn mọi nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác tài nguyên biển, đảo một cách bền vững...”(3).

Qua 30 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng đã khẳng định rằng, với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, nhân dân và lực lượng vũ trang, kinh tế biển và ven biển của nước ta có nhiều khởi sắc, phát triển theo hướng tích cực, đã đem lại cho đất nước khoảng 40% tổng sản phẩm quốc nội, 50% thu nhập ngoại tệ mạnh và tạo ra việc làm ổn định cho khoảng 9 triệu người. Kinh tế biển cũng có sự thay đổi về cơ cấu ngành nghề theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việc khai thác nguồn lợi từ biển đã đóng góp quan trọng cho sự phát triển của đất nước, nhất là cho xuất khẩu (dầu khí, hải sản...). Xuất hiện nhiều ngành kinh tế biển gắn với công nghệ - kỹ thuật hiện đại như khai thác dầu khí, công nghiệp đóng tàu, đánh bắt xa bờ, vận tải biển, du lịch biển - đảo và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.... Trong việc bảo đảm quốc phòng - an ninh, chúng ta đã kiềm chế được xung đột, giữ được lợi ích quốc gia, dân tộc trên phương diện tổng thể, giữ được môi trường hòa bình, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế biển. Đó là những tiền đề, điều kiện thuận lợi để chúng ta thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế biển và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa của Tổ quốc trong thời gian tới.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện mục tiêu chiến lược biển, chúng ta đang đứng trước nhiều thách thức gay gắt về phát triển kinh tế biển như sự suy giảm các nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển;

khai thác tài nguyên và môi trường biển; về ô nhiễm môi trường... và một số thách thức về quốc phòng - an ninh. Kinh tế biển của nước ta quy mô còn nhỏ bé và đang ở trình độ thấp, chưa tương xứng với tiềm năng vốn có. Giá trị thu được từ hoạt động kinh tế biển so với một số nước đều ở mức thấp hoặc rất thấp. Mặc dù có rất nhiều cố gắng trong quá trình đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhưng nghề biển nước ta vẫn chủ yếu là nghề truyền thống, chiếm trên 60% GDP do kinh tế biển tạo ra. Các nghề biển công nghệ cao như năng lượng sóng thủy triều, khai thác khoáng sản dưới lòng nước sâu, hoá chất và dược liệu biển... hầu như chưa được tập trung nghiên cứu. Các nghề mới như khai thác dầu khí, công nghiệp đóng tàu, nuôi trồng hải sản đặc sản, du lịch biển chỉ mới được phát triển bước đầu. Chúng ta còn nhiều khó khăn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế biển, bởi công nghệ, kỹ thuật khai thác kinh tế biển nhìn tổng thể vẫn còn ở trình độ rất thấp. Công tác nghiên cứu và hiểu biết về biển còn sơ sài, chưa có chiến lược lâu dài ở tầm quốc gia để định hướng công tác khai thác, quản lý, bảo vệ vùng biển một cách thống nhất, đúng trọng điểm. Các công trình kỹ thuật và dịch vụ xây dựng hạ tầng biển còn nhiều bất cập, yếu kém. Cơ sở hạ tầng vùng ven biển, hải đảo thiếu thốn và lạc hậu. Sự phát triển kinh tế biển ở nhiều địa phương và một số ngành chủ yếu chạy theo nhu cầu thị trường, chưa thực sự gắn kết giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia trên biển.

Phát triển kinh tế biển ở một số lĩnh vực chưa thực sự được gắn kết chặt chẽ với quốc phòng - an ninh,

hoặc ngược lại, có một số lĩnh vực của quốc phòng - an ninh chưa được gắn kết với phát triển kinh tế, làm cho kinh tế biển vốn còn nhiều hạn chế về khoa học - công nghệ, kỹ thuật và năng lực lại bắt cập trong công tác bảo vệ, làm hạn chế quá trình phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng - an ninh. Một số địa phương xây dựng quy hoạch các khu công nghiệp, kinh tế tập trung, các dự án ven biển, trên đảo, chưa chú trọng các phương án xây dựng thể trận quốc phòng - an ninh, thể trận lòng dân, chủ yếu chạy theo lợi ích kinh tế là chính; một số quy hoạch, kế hoạch, nhất là việc xây dựng bến cảng; cơ sở công nghiệp biển; các khu dịch vụ trên đảo mở tràn lan, không tuân thủ các nguyên tắc chung, làm ảnh hưởng đến khả năng bảo vệ quốc phòng - an ninh trên biển, đảo. Tình trạng đó đang đặt ra nhu cầu cấp bách phải có một chiến lược phát triển kinh tế biển được bổ sung với những luận cứ khoa học và cơ sở thực tiễn vững chắc, mới có thể đáp ứng những nhiệm vụ tăng tốc kinh tế biển để đến năm 2020, nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển.

Gắn kinh tế biển với bảo vệ chủ quyền biển, đảo hiện nay

Để hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo hiện nay, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện hiện nay nhằm khai thác tiềm năng và các lợi thế về biển, đồng thời tăng cường bảo vệ chủ quyền biển, đảo, tạo nên sự gắn kết chặt chẽ hoạt động của các lĩnh vực kinh tế biển với quốc phòng - an ninh để trở thành một thể thống nhất trên phạm vi cả nước và từng địa

phương, tạo điều kiện cho các địa phương nhất là những địa phương ven biển phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ vùng trời, vùng biển của đất nước. Các chủ trương về thực hiện Chiến lược biển dựa trên các căn cứ khoa học, hiện đại, các cơ sở dữ liệu, được đánh giá một cách toàn diện về thực trạng phát triển biển, những thuận lợi, thế mạnh và cả những khó khăn, thách thức mà Việt Nam phải đối mặt... Mở rộng chính sách, liên kết làm ăn kinh tế ở vùng biển thuộc quyền chủ quyền của ta với những nước phát triển trong khu vực và trên thế giới, nhằm tạo ra những đối tác đan xen lợi ích trong phát triển kinh tế biển.

Thực hiện nghiêm pháp luật, cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong tình hình mới. Đây là nội dung rất quan trọng nhằm cụ thể hoá đường lối, chủ trương của Đảng về mối quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng và an ninh thành các văn bản quy phạm, tiến hành quán triệt, tổ chức thực hiện bảo đảm hiệu quả cao, cần quy định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo chỉ đạo và quản lý. Trước yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cần tập trung quán triệt nắm chắc hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế, chính sách có liên quan đến mối quan hệ này làm cơ sở để giải quyết mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữa tự bảo vệ và được bảo vệ, phù hợp với thực tiễn đất nước và thông lệ quốc tế.

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phát triển kinh tế gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, giữ vững môi trường hòa bình ổn định để xây dựng đất nước. Coi đây là một

nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị, nhằm tạo nên sự thống nhất cao trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về mục tiêu chiến lược biển, đảo đến năm 2020 trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, chiến lược quốc phòng - an ninh, đối ngoại, khoa học - công nghệ biển; xây dựng kết cấu hạ tầng biển. Qua đó, xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng - an ninh, thể trận lòng dân, kiên quyết bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển, thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý của Việt Nam, bảo vệ chế độ chính trị - xã hội, lợi ích dân tộc...; đồng thời, giữ vững được môi trường hòa bình, ổn định lâu dài để phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Trong đó, chú trọng các tài liệu khoa học đã kết luận về tiềm năng biển, quy hoạch phát triển kinh tế biển; các tài liệu lịch sử - pháp lý thuyết phục, khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán đối với các vùng biển, đảo nước ta trên cơ sở Luật Biển Việt Nam và Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982; các tuyên bố nguyên tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông và Bộ Quy tắc ứng xử mang tính pháp lý của các bên ở Biển Đông khi được thông qua. Đồng thời, cần chuyển tải kịp thời quan điểm, lập trường của Việt Nam trong vấn đề Biển Đông tới cộng đồng quốc tế, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Ba là, tiếp tục xây dựng lực lượng, tổ chức điều chỉnh, bố trí và triển khai thể trận quốc phòng - an ninh, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội trên vùng biển, đảo một cách hợp lý. Kết hợp chặt chẽ giữa thúc đẩy nhanh quá trình dân sự hóa trên biển với xây dựng thể trận quốc phòng - an ninh, thể trận lòng dân trên biển vững mạnh, đủ khả năng bảo vệ chủ quyền quốc

gia trên biển. Dân sự hóa các vùng biển, đảo vừa là cơ sở để khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên trên biển, vừa là tiền đề để xây dựng, củng cố và phát huy lực lượng tại chỗ phục vụ chiến lược quốc phòng - an ninh trên biển, như Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 đã ghi: “Thực hiện quá trình dân sự hóa trên biển, đảo gắn với tổ chức dân cư, tổ chức sản xuất và khai thác biển. Có chính sách đặc biệt để khuyến khích mạnh mẽ nhân dân ra định cư ổn định và làm ăn dài ngày trên biển; thí điểm xây dựng các khu quốc phòng - kinh tế tại các đảo, quần đảo Trường Sa, vùng biển, đảo của Tổ quốc”. Đây là chủ trương chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo của đất nước. Chủ trương này đã và đang được hiện thực hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển đi đôi với bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền của Việt Nam trên biển.

Bốn là, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước, ưu tiên nguồn lực cho phát triển kinh tế gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, góp phần thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trên các vùng ven biển, hải đảo. Biển Việt Nam chứa đựng nhiều tiềm năng to lớn về kinh tế, nhưng để biến các tiềm năng ấy thành nguồn lực, động lực đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc đầu tư nguồn lực thích đáng cho các ngành kinh tế mũi nhọn, có thể mạnh như: Khai thác, chế biến dầu khí; hệ thống cảng và dịch vụ vận tải biển; khai thác, chế biến hải sản, du lịch... ở các vùng ven biển, trên các đảo và quần đảo là hết sức cần thiết. Trong đó, cần ưu tiên xây dựng các tập đoàn kinh tế mạnh, các trung tâm dịch vụ có đủ khả năng vươn xa, kết hợp

phát triển kinh tế với làm chủ biển, đảo; tập trung nguồn vốn, khoa học, công nghệ, nguồn lao động để khai thác có hiệu quả các tiềm năng của biển; ưu tiên phát triển hạ tầng cơ sở kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh trên khu vực quần đảo Trường Sa và các đảo lớn xa bờ, tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tốc độ sản xuất của nhân dân đang sinh sống trên các đảo và quần đảo. Đồng thời, giải quyết tốt các vấn đề xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, coi đó như một vấn đề then chốt trong xây dựng thế trận lòng dân trên biển.

Năm là, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học - công nghệ về quản lý và phát triển kinh tế biển nhằm

khai thác, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, giảm thiểu tối đa sự suy thoái tài nguyên biển và hải đảo, đa dạng sinh học biển và các hệ sinh thái biển.

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.211

(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 225

(3) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 94 - 95

Nguyễn Thị Hoài Thu
Tạp chí cộng sản

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH TRỊ GÓP PHẦN BẢO VỆ VỮNG CHẮC CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO CỦA TỎ QUỐC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Biển, đảo là một bộ phận lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, có vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước. Bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc là điều kiện, nội dung giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, duy trì hòa bình, ổn định và phát triển bền vững.

Trước tình hình có nước lớn muốn độc quyền kiểm soát Biển Đông, đẩy mạnh các hoạt động xây dựng, cải tạo bồi đắp đảo trái phép, đưa tàu chiến, phương tiện, vũ khí quân sự ra Hoàng Sa, Trường Sa; tổ chức diễn tập trên Biển Đông đã và đang làm phức tạp tình hình, đe dọa đến độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Quán triệt, thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng: “Kiên quyết, kiên

trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc biên giới và chủ quyền biển, đảo, vùng trời của Tổ quốc; đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển bền vững đất nước” đòi hỏi chúng ta phải có những giải pháp đấu tranh đồng bộ cả trên thực địa, cả trong lĩnh vực chính trị, pháp lý, ngoại giao để tránh xung đột vũ trang hoặc chiến tranh. Đấu tranh trên lĩnh vực chính trị là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng nhưng cũng không kém phần khó khăn, phức tạp. Để tiếp tục đấu tranh chính trị có hiệu quả thiết thực, xin đề xuất một số giải pháp về chính trị góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo trong tình hình hiện nay:

Một là, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận

thức trách nhiệm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Đây là giải pháp có vị trí quan trọng hàng đầu, bởi vì nó định hướng nhận thức, tư tưởng, trau dồi tình cảm của cán bộ, đảng viên, nhân dân và toàn bộ hệ thống chính trị về vị trí, vai trò, sức mạnh của biển, ý thức trách nhiệm của các tổ chức, các lực lượng trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Thực hiện giải pháp này sẽ làm cho mọi người nhận thức rõ biển đảo là một bộ phận lãnh thổ thiêng liêng, bất khả xâm phạm của Tổ quốc, có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của dân tộc. Mặt khác, thời gian qua, vấn đề nhận thức về vị trí, tầm quan trọng của biển, đảo và hành động của một bộ phận nhân dân chưa thống nhất, thậm chí sai lệch, bị lợi dụng, kích động. Vì vậy, phải tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các cấp, các ngành, lực lượng vũ trang và toàn dân. Đây cũng là từng bước xây dựng thế trận lòng dân bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Trước hết cần lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, chặt chẽ từ Trung ương tới các địa phương và phối hợp đồng bộ giữa các bộ, ban, ngành, các địa phương trong nước cũng như quốc tế để tiến hành. Tập trung giáo dục chủ trương, quan điểm của Đảng về Chiến lược Biển, Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc, Luật Biển; các chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo, đi sâu chính sách trong đấu tranh xử lý vấn đề Biển Đông sau khi Tòa Trọng tài quốc tế (PCA) có phán quyết về “đường 9 đoạn”. Quán triệt và thực hiện tốt phương châm, tư tưởng chỉ đạo “4 Tránh”, “3 Không” và “9 K”. Chỉ đạo các đài phát thanh, truyền hình TW, địa phương và sử dụng các trang mạng mở nhiều chuyên mục về biển, đảo, tăng thời lượng phát sóng chuyên đề biển đảo

quê hương. Tổ chức, xây dựng lực lượng đấu tranh chuyên sâu trên lĩnh vực chính trị, pháp lý. Tổ chức các hội thảo, diễn đàn, mít tinh, tuần hành... hướng về biển, đảo. Trên cơ sở nâng cao nhận thức cho toàn dân, chú trọng tuyên truyền cho nhân dân ven biển, các ngư dân, lực lượng làm nhiệm vụ quản lý, thực thi pháp luật, bảo vệ chủ quyền và khai thác kinh tế biển, đảo để họ nhận thức sâu sắc quan điểm của Đảng, Nhà nước về sự nghiệp bảo vệ biển, đảo.

Mặt khác, kiên quyết đấu tranh với những phần tử cơ hội chính trị lợi dụng vấn đề Biển Đông để kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xuyên tạc chính sách của Đảng và Nhà nước; gây rối an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đồng thời chia rẽ Cộng đồng ASEAN và 3 nước Đông Dương. Quản lý chặt chẽ các trang mạng xã hội, định hướng tư tưởng cho nhân dân không vì yêu nước mà bị lợi dụng, lôi kéo vào hoạt động chống đối như biểu tình bất hợp pháp, đập phá nhà máy, công ty của người nước ngoài làm ăn, kinh doanh tại Việt Nam. Phát huy các cơ quan thông tin đối ngoại, đại diện của Việt Nam ở nước ngoài... kiên quyết đấu tranh phản bác những thông tin, luận điệu phản động, vu cáo, bịa đặt của các thế lực thù địch và xuyên tạc, cực đoan trên báo chí Trung Quốc và một số tờ báo nước ngoài.



Lực lượng Cảnh sát biển và Bộ đội Biên phòng tuyên truyền phổ biến pháp luật cho ngư dân. (Ảnh: Mạnh Thường)

Hai là, phát huy vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị nhằm huy động sức mạnh toàn dân cho sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Hệ thống chính trị nước ta có vai trò ảnh hưởng to lớn đối với cách mạng nước ta. Sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị. Để thực hiện giải pháp này, trước hết cần tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Đảng là người lãnh đạo sự nghiệp QPAN, do đó Đảng cần có chủ trương sát, đúng cho công cuộc bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Trước hết phải có thái độ dứt khoát, kiên quyết, kiên trì mục tiêu bảo vệ lợi ích dân tộc, chủ quyền quốc gia. Đảng phải luôn gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, quyền tự quyết của một quốc gia có chủ quyền và vì lợi ích, nguyện vọng tha thiết ngàn đời của dân tộc để xây dựng quan điểm, hoạch định chủ trương đấu tranh khôn khéo nhằm bảo vệ bằng được chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với LLVT, thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” và cơ chế thực hiện nhiệm vụ QPAN, quân sự: “Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, điều hành, cơ quan quân sự, công an và các cơ quan ban ngành làm tham mưu; người chỉ huy quân sự chỉ huy thống nhất các LLVT thuộc quyền” đối với các hoạt động khu vực phòng thủ, đặc biệt trên hướng biển, đảo. Để phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đòi hỏi mọi tổ chức đảng, từ chi bộ đến BCHTW, từ Tổng Bí thư đến từng cán bộ, đảng viên phải là những người trung thành, tận tụy, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”, luôn tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân, có

trách nhiệm với dân, xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ của nhân dân; biết hướng dân tộc vào những vấn đề trọng đại. Đảng phải luôn xác định và làm tốt vai trò người “cầm lái” con thuyền cách mạng Việt Nam, do đó phải luôn giữ vững bản lĩnh cách mạng, thường xuyên củng cố tổ chức, bộ máy vững mạnh; tích cực, kiên quyết đấu tranh phòng chống tham nhũng lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm; tăng cường đoàn kết, nâng cao trí tuệ, năng lực lãnh đạo ngang tầm đòi hỏi của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong bối cảnh việc đấu tranh xử lý vấn đề Biển Đông đang phức tạp như hiện nay

Cùng với đó, cần nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với công cuộc bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Nhà nước là trụ cột của hệ thống chính trị, là công cụ tổ chức thực hiện ý chí và quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân để quản lý toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội. Nhà nước cần chỉ đạo các địa phương phối hợp chặt chẽ với các lực lượng trên biển, bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc trên biển. Xây dựng và phát triển kinh tế biển, đảo phải gắn chặt với đảm bảo QPAN. Thực hiện dân sự hoá trên biển, khuyến khích nhân dân ra định cư trên các đảo, bộ đội hết nghĩa vụ đăng ký sinh sống lâu dài trên đảo. Cần nghiên cứu, tổ chức thí điểm một số khu kinh tế, quốc phòng trên biển. Có đầu tư thích đáng về cơ sở vật chất, tài chính cho việc đóng mới, nâng cấp tàu, thuyền, các trang bị cần thiết cho lực lượng chuyên trách bảo vệ chủ quyền biển đảo. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về biển, đảo. Mặt khác tiếp tục triển khai có hiệu quả các chiến lược, quy hoạch, đề án, nghị định, chỉ thị của Chính phủ về phát triển hỗ trợ cho ngư dân vay vốn đóng tàu hiện đại, sản xuất đánh bắt hải sản xa bờ; xây dựng các

doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ, đội đánh bắt khai thác hải sản vững mạnh, để vừa phát triển kinh tế biển, vừa góp phần tạo ra sức mạnh giữ vững chủ quyền biển, đảo. Quan tâm phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên các đảo như điện, đường, trường, trạm, thông tin liên lạc, văn hóa nhằm cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và cán bộ chiến sĩ làm nhiệm vụ trên biển, đảo. Tăng cường liên kết, hợp tác với các nước lớn để thăm dò khai thác các tài nguyên trên biển, phát triển du lịch biển, thực hiện việc đan cài lợi ích giữa các nước lớn với Việt Nam, từ đó lôi kéo, tạo sự ủng hộ của các nước lớn trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo của nước ta.

Ngoài ra, cũng cần phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQ) và các tổ chức chính trị, đoàn thể xã hội; huy động sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc hướng về sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Hiện nay, trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch đang ra sức tuyên truyền, xuyên tạc, kích động nhân dân, biểu tình, tạo sự mất ổn định trong nước, phá hoại mối quan hệ nội bộ và giữa các nước tuyên bố có tranh chấp, chồng lấn biển, đảo với nước ta... Trước tình hình đó, đòi hỏi, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân phải không ngừng tăng cường công tác giáo dục hội viên, đoàn viên, thành viên của từng tổ chức nâng cao trách nhiệm công dân, động viên con em tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo; tăng cường đoàn kết dân tộc, tôn giáo, miền xuôi cũng như miền ngược... làm cho đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với mọi tầng lớp nhân dân, biến những chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước thành hiện thực, tạo trận địa tư tưởng vững chắc, tạo sức mạnh của cả dân tộc bảo vệ chủ quyền trên biển, đảo của Tổ quốc. Khi nhân dân được giác

ngộ, thế hệ trẻ thấu suốt mục tiêu, nhiệm vụ và trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ biển, đảo; ý thức về biển, đảo của cả dân tộc được thức tỉnh, nuôi dưỡng, bồi đắp, phát huy, nhân rộng sẽ tạo thành sức mạnh vô địch trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc nhất là bảo vệ chủ quyền biển, đảo hiện nay

Ba là, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, làm nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Lực lượng vũ trang (LLVT) có vai trò to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, là công cụ bạo lực của Đảng, Nhà nước để bảo vệ độc lập, chủ quyền lãnh thổ, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng LLVT vững mạnh có ý nghĩa quan trọng để củng cố sức mạnh tổng hợp, kết hợp đấu tranh chính trị với răn đe quân sự, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động chống phá của kẻ thù, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc. Xây dựng LLVT vững mạnh, cần làm tốt một số nội dung sau:

Cần đặt lên hàng đầu việc xây dựng sự tinh nhuệ vững mạnh về chính trị cho LLVT; coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ chủ trì và cơ quan, nhất là cơ quan tham mưu chiến lược. Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả của CTĐ, CTCT, mở rộng dân chủ, chăm lo xây dựng môi trường văn hóa, đáp ứng yêu cầu đấu tranh trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hoá, phù hợp trong thời bình cũng như khi có chiến sự. Thường xuyên giáo dục nâng cao nhận thức, làm cho toàn dân và LLVT nắm chắc, nhất trí cao với chủ trương “4 tránh”, “3 không” và “9K” của Đảng, không nôn nóng, giao động trong cuộc đấu tranh biển, đảo. Đồng thời làm cho LLVT nắm chắc âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch muốn độc chiếm Biển Đông, lợi dụng vấn đề Biển Đông và “Diễn biến hòa bình” để kích động, chia rẽ đoàn kết trong nước, đoàn kết quốc tế, phân hóa

nội bộ ASEAN... từ đó giúp LLVT xây dựng niềm tin, động cơ, thái độ trách nhiệm, rèn luyện ý chí vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, yên tâm bám đảo, bám biển, gắn bó với đơn vị, trên tinh thần “đơn vị là nhà, biển đảo là quê hương”, chắc tay súng bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.

Không ngừng nâng cao chất lượng huấn luyện bộ đội, công an, dân quân tự vệ, dự bị động viên. Tập trung nâng cao chất lượng huấn luyện Hải quân, Cảnh sát biển, Biên phòng, Phòng không, Không quân, Pháo binh... trên biển, các hạm đội tàu ngầm và máy bay săn ngầm, dân quân tự vệ các địa phương ven biển và trên các đảo; coi trọng huấn luyện bay biển, đi biển, di chuyển lực lượng, phương tiện trong mọi điều kiện thời tiết, môi trường địch sử dụng vũ khí công nghệ cao... Tăng cường kết hợp giữa huấn luyện với rèn luyện thể lực, nâng cao sức khỏe cho bộ đội, đủ điều kiện hoạt động dài ngày trên biển.

Tiếp tục xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. củng cố tổ chức lực lượng thường trực theo hướng “tinh, gọn, mạnh, linh hoạt”; lực lượng dự bị động viên hùng hậu; dân quân tự vệ rộng khắp, đủ sức là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển nghệ thuật quân sự, an ninh; ứng dụng KHCN tiên tiến, xây dựng nền CNQP vững mạnh, từng bước đáp ứng nhu cầu nội địa về sản xuất vũ khí, trang bị kỹ thuật cho quân đội, công an và một số lực lượng tham gia hoạt động trên biển. Tổ chức các doanh nghiệp quân đội, công an tham gia phát triển sản xuất, kinh doanh trên hướng biển, đảo, góp phần xây dựng nền QPTD trên biển.

Tăng cường diễn tập, tuần tra chung của LLVT trong nước và quốc tế với nhiều quy mô, hình thức khác nhau,

theo hướng sát phương án, nhiệm vụ và thực tế diễn biến trên biển; phù hợp với vũ khí, trang bị hiện có và nghệ thuật quân sự Việt Nam, cũng như cam kết trong Cộng đồng ASEAN và các hiệp định mà Việt Nam đã ký. Tăng cường giao lưu, diễn tập Hải quân, Cảnh sát biển, Biên phòng... giữa các nước trong khu vực để tăng thêm hiểu biết, chia sẻ kinh nghiệm, thắt chặt đoàn kết, tạo môi trường hòa bình trong khu vực.

Bốn là, tăng cường đấu tranh ngoại giao và pháp lý để góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Đây là giải pháp giữ vị trí, vai trò chủ yếu, là một mặt trận quan trọng góp phần tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển đảo. Đây cũng là giải pháp kết hợp sức mạnh bên trong với sức mạnh bên ngoài để bảo vệ Tổ quốc. Thực tiễn lịch sử cha ông ta đều đã sử dụng giải pháp này như một công cụ để giữ vững môi trường hòa bình, liên kết bang giao hữu hảo bảo vệ chủ quyền quốc gia. Đảng ta cũng luôn quan tâm kế thừa, phát huy truyền thống, thực hiện tốt chủ trương vừa hợp tác, vừa đấu tranh, nhằm phát huy nội và ngoại lực bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Để hiện thực giải pháp này, cần quán triệt sâu sắc đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại. Thực hiện phương châm vừa hợp tác vừa đấu tranh, lấy hợp tác là chủ yếu, không để đối đầu với các nước, nhất là nước lớn, không để bị cô lập; tích cực, chủ động tham gia các cơ chế hợp tác khu vực và thế giới. Đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại, đấu tranh thông qua các phương tiện truyền thông, mặt trận báo chí, lý luận; đa dạng hóa, coi trọng công tác thông tin bằng tiếng Trung, tiếng Anh làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ, chính xác, đầy đủ hơn về đất nước, con người

Việt Nam và những bằng chứng lịch sử, cơ sở pháp lý về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Tăng cường công tác đối ngoại quốc phòng, tham gia có hiệu quả các cơ chế hợp tác trong khuôn khổ diễn đàn ARF, ADMM, ADMM+, đối thoại cấp cao Đông Á (EAS)... nhằm tăng cường xây dựng lòng tin chiến lược, sự tin cậy về chính trị, hạn chế xung đột nhằm tạo ra môi trường hòa bình trong khu vực. Chú trọng quan hệ hợp tác quốc phòng song phương, đa phương với các nước đối tác, đặc biệt là với các nước láng giềng, các nước bạn bè truyền thống, Cộng đồng ASEAN, các nước lớn, các nước có tiềm lực kinh tế, có nền khoa học công nghệ quốc phòng mạnh, trên tinh thần giữ vững quan điểm, đường lối, nguyên tắc chiến lược, nhưng cần linh hoạt, sáng tạo, mềm dẻo trong sách lược. Tích cực, chủ động tìm kiếm, sưu tầm tài liệu, chứng cứ pháp lý, lịch sử; hoàn thiện hệ thống luật pháp về biển, đảo, nhất là sau khi có phán quyết của Tòa trọng tài quốc tế (PCA), tạo điều kiện để đấu tranh pháp lý thuận lợi. Tổ chức và tham gia các cuộc hội thảo khoa học; diễn đàn, điều tra, khảo sát khoa học chung về biển, đảo với các nước trong khu vực và quốc tế... tranh thủ sự ủng hộ của dư luận, của các nhà khoa học, lịch sử, địa lý và các nước trong khu vực như Cộng đồng ASEAN, cộng đồng quốc tế để lên tiếng ủng hộ ta về tính pháp lý, lịch sử của quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, chống sự áp đặt của nước lớn.

Giữ vững khối đoàn kết toàn dân, người Việt Nam ở trong và ngoài nước, đẩy mạnh hoạt động giao lưu văn hóa,

nghệ thuật, thể dục thể thao và các hoạt động từ thiện, bảo trợ, du lịch... phát huy các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài như tham tán, tùy viên quân sự, quốc phòng, thương mại... và các cơ quan, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, văn hóa, khoa học kỹ thuật nước ngoài tại Việt Nam trong việc đấu tranh bảo vệ biển, đảo của nước ta. Tiếp tục tổ chức cho các nhà báo, lực lượng chính trị của một số nước, tổ chức quốc tế đến tham quan tại Hoàng Sa, Trường Sa của ta, giúp họ hiểu thực trạng tình hình và thiện chí hòa bình của Việt Nam, làm cơ sở đưa tin chính xác, khách quan trên diễn đàn quốc tế. Đây cũng là kết hợp sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế để bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Tiếp tục chủ động đàm phán, ký kết hiệp định với các nước có liên quan nhằm giải quyết những vấn đề mâu thuẫn, những vùng biển chồng lấn, tranh chấp chủ quyền, tạo môi trường, cơ sở pháp lý trong đấu tranh, đồng thời không để phát sinh các điểm nóng. Đàm phán với các nước láng giềng, các nước có tranh chấp thêm lục địa, vùng chồng lấn với quan điểm những vấn đề còn bất đồng, tranh chấp song phương thì đàm phán theo hướng song phương; những vấn đề tranh chấp liên quan đến nhiều bên thì giải quyết đa phương và phải công khai, minh bạch giữa các nước liên quan. Nếu các bên không giải quyết được bằng cơ chế đàm phán thì giải quyết theo phương thức khác như trung gian, hòa giải bằng cơ chế tài phán quốc tế như Tòa án Công lý quốc tế, Tòa án quốc tế về Luật Biển và các toà trọng tài./.

Lê Văn Hùng //
<http://canhsatbien.vn>

TRIỂN LÃM BẢN ĐỒ VÀ TRƯNG BÀY TƯ LIỆU VỀ HOÀNG SA TRƯỜNG SA TẠI BÌNH THUẬN

Triển lãm nhằm góp phần nâng cao nhận thức, khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và ý thức trách nhiệm bảo vệ chủ quyền biển, đảo của đất nước trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ là đoàn viên, thanh niên, học sinh, sinh viên...

Ngày 19-10, tại Trung tâm Văn hóa huyện Hàm Tân (tỉnh Bình Thuận), Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Thuận tổ chức triển lãm bản đồ và trưng bày tư liệu với chủ đề “Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam - Những bằng chứng lịch sử và pháp lý”.

Bản đồ và tư liệu trưng bày tại triển lãm là một phần bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa trên biển Đông.



Cắt băng khai mạc triển lãm

Triển lãm đã trưng bày, giới thiệu với công chúng những bằng chứng lịch sử và pháp lý như: các văn bản do triều

đình phong kiến Việt Nam ban hành từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX; 95 bản đồ và 4 cuốn Atlas tuyển chọn từ hơn 260 bản đồ và các Atlas liên quan đến vấn đề chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; 102 ấn phẩm xuất bản tại các nước phương Tây từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX; hình ảnh tư liệu về quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa thời Pháp thuộc và thời Việt Nam Cộng Hòa....

Ngoài ra, triển lãm còn trưng bày khoảng 150 bản đồ, các văn bản Hán - Nôm, văn bản nước ngoài; tư liệu hình ảnh, hiện vật, tư liệu nghe nhìn, tư liệu thành văn; các ấn phẩm xuất bản và một số bài báo tuyên truyền về biển đảo khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với khu vực hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa... Triển lãm sẽ diễn ra từ ngày 19 đến 22-10.



Triển lãm thu hút đông đảo cán bộ, nhân dân tỉnh Bình Thuận đến xem và tìm hiểu

Thông qua việc trưng bày triển lãm các bản đồ, hiện vật, tư liệu, hình ảnh, các xuất bản phẩm... nhằm cung cấp những cơ sở pháp lý quan trọng, giúp cán bộ, nhân dân Bình Thuận hiểu rõ về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần

đoàn kết và ý thức trách nhiệm bảo vệ chủ quyền biển, đảo của đất nước trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ là đoàn viên, thanh niên, học sinh, sinh viên...

Tiến Thắng //

<http://www.sggp.org.vn> - 2018

(ngày 19 tháng 10)

ĐỀ MỌI NGƯỜI HIỂU VỀ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO

Ngày 28-7-2018, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 930/QĐ-TTg, phê duyệt Đề án tuyên truyền bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững biển, đảo Việt Nam giai đoạn 2018-2020. Mục tiêu của đề án nhằm giúp người dân được cung cấp thông tin về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước qua các phương tiện thông tin đại chúng về biển, đảo Việt Nam. Đồng thời, đặc biệt chú trọng tuyên truyền cho nhân dân các địa phương ven biển trong việc khai thác, sử dụng và gìn giữ tài nguyên, môi trường biển, đảo. Đây là đề án rất quan trọng nhằm nâng cao nhận thức người dân về vị trí, vai trò của biển, đảo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay và mai sau.



Ảnh minh họa

PHÁP LUẬT VỀ BIỂN, ĐẢO

Việt Nam là quốc gia có bờ biển dài 3.260km, với các vùng biển và thềm lục địa khoảng 1 triệu kilômét vuông, gần 3.000 đảo nằm rải rác trên biển Đông trải từ Bắc vào Nam, gồm các đảo ven bờ và 2 quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa nằm giữa biển. Biển và đảo Việt Nam có vai trò quan trọng về kinh tế, quân sự, chính trị... Vì vậy, lịch sử phát triển của nước ta luôn gắn chặt với việc bảo vệ các vùng biển và hải đảo thuộc chủ quyền. Theo luật pháp quốc tế về biển, đặc biệt là Công ước Liên hiệp quốc về Luật Biển năm 1982 và các tuyên bố, các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước được ban hành trong mấy chục năm gần đây, Việt Nam có chủ quyền và quyền tài phán đối với những vùng biển và hải đảo của mình với các chế độ pháp lý khác nhau. Nếu tính từ đất liền của quốc gia ven biển hướng ra biển khơi, tuần tự có các vùng biển: Nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, biển quốc tế và đáy biển, lòng đất dưới đáy biển quốc tế. Rải rác ven bờ hay ngoài biển khơi có các đảo, quần đảo nhô lên trên mặt nước. Về nguyên tắc, nội thủy và lãnh hải là hai vùng biển

thuộc chủ quyền của quốc gia ven biển. Vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa là 3 vùng biển thuộc quyền chủ quyền của quốc gia ven biển. Còn lại vùng biển cả ngoài phạm vi ấy là biển tự do, không một quốc gia nào có quyền xác lập chủ quyền đối với bất cứ bộ phận nào của biển.

Trong những năm gần đây, nhà nước Việt Nam đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức quản lý biển, đảo có hiệu quả; đồng thời xác định chủ quyền, quyền chủ quyền đối với các vùng biển, đảo của đất nước. Các văn bản ấy về cơ bản phù hợp với những quy định của Công ước Liên hiệp quốc về Luật Biển năm 1982. Đặc biệt, ngày 21-6-2012 tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Biển Việt Nam với số phiếu tán thành gần như tuyệt đối. Những văn bản pháp luật về biển, đảo đã góp phần xây dựng quy chế pháp lý thể hiện quyền lợi chính đáng của nước ta; mở ra triển vọng thúc đẩy sự hợp tác quốc tế giữa Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới, xây dựng hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác, thịnh vượng.

NHỮNG ĐIỂM NHẤN CỦA ĐỀ ÁN

Đề án đã được Thủ tướng phê duyệt lần này tập trung tuyên truyền, phổ biến những nội dung về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến biển, đảo; các văn bản pháp luật quốc tế, thỏa thuận song phương và đa phương giữa Việt Nam với các quốc gia, các tổ chức quốc tế có liên quan đến biển, đảo. Những chứng cứ lịch sử, pháp lý khẳng định chủ quyền biển, đảo của Việt Nam

đối với 2 quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa; vị trí, vai trò, tiềm năng của biển, đảo Việt Nam. Tuyên truyền về phát triển kinh tế biển, đảo, đặc biệt là những ngành kinh tế mũi nhọn như khai thác và chế biến dầu khí, kinh tế hàng hải, khai thác và chế biến hải sản, du lịch biển và kinh tế đảo, xây dựng các khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất ven biển gắn với phát triển các khu đô thị ven biển; bảo vệ môi trường; giáo dục cho ngư dân về các quy định pháp luật trong hoạt động thủy sản... Theo đề án, tuyên truyền về biển, đảo là nhiệm vụ quan trọng và lâu dài, cần được tiến hành thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn và trong từng bối cảnh cụ thể. Các giải pháp thực hiện đề án đều được triển khai định kỳ hằng năm, nhằm làm cho mọi người dân hiểu rõ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo. Phần đầu 90% giáo viên giảng dạy môn Lịch sử, Địa lý trong các trường THPT, THCS; phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí, xuất bản Trung ương và địa phương; cán bộ cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện, đài truyền thanh cấp xã được tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng tuyên truyền về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo Việt Nam. 100% học sinh, sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, THPT, THCS được cung cấp thông tin, kiến thức về chủ quyền biển, đảo Việt Nam.

Đức Hồng

<http://baobinhphuoc.com.vn>